TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ - ST
Ngày 23 tháng 02 năm 2023
" V/v tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông

Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2022/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn và chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đường Thị M, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Đường Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đường Thị M trình bày: Chị kết hôn cùng anh Đường Văn T ngày 06/11/2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị về chung ở cùng gia đình anh T ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường đến năm 2014 thì vợ chồng sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời cờ bạc, không chịu khó làm ăn và bị Công an bắt, sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đưa ra xét xử về tội Đánh bạc với mức hình phạt là 03 năm 06 tháng tù, sau đó anh T có đơn kháng

cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã xét xử phúc thẩm anh T bị xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo. Do anh T chơi bời dẫn đến nợ nần, đã nhiều lần chị phải vay mượn tiền để trả nợ thay cho anh T. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2022 cho đến nay, tình cảm không cải thiện được. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đường Văn T.

Tại phiên tòa bị đơn anh Đường Văn T trình bày: Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị M đã trình bày là đúng. Do anh chơi bời cờ bạc, bị bắt và bị đưa ra xét xử, hiện nay anh đang chấp hành án phạt 03 năm tù cho hưởng án treo. Nhiều lần vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, từ tháng 8/2022 cho đến nay anh chị sống ly thân. Nay chị M xin ly hôn anh thì anh cũng nhất trí và xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Chị Đường Thị M và anh Đường Văn T thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Đường Văn T, sinh năm 2002 và Đường Huy T, sinh ngày 20/01/2005. Ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung vì lý do các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Chị Đường Thị M và anh Đường Văn T đều thừa nhận vợ chồng có làm 01 nhà hai xây tầng và 02 gian quán lợp tôn trên thửa đất thổ cư số 896, tờ bản đồ số 28, diện tích đất 252 m^2 ở thôn N, xã L, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Đường Văn T. Nguồn gốc đất là do bố mẹ anh T đã cho riêng anh T. Ly hôn chị M và anh T thỏa thuận giao cho anh T tiếp tục sử dụng toàn bộ tài sản, anh T thanh toán tiền tài sản cho chị M số tiền 50.000.000đồng.

Về công nợ: Chị Đường Thị M và anh Đường Văn T đều thừa nhận: Quá trình chung sống, chị M có vay tiền để thanh toán trả các khoản nợ riêng của anh T. Ly hôn chị M và anh T thỏa thuận, anh T trả cho chị M số tiền 382.000.000đ để chị M trả các khoản vay hộ anh T, chị M nhất trí và tự nguyện thanh toán trả toàn bộ các khoản vay riêng của chị, không yêu cầu anh T phải trả nợ cho những người mà chị đã vay.

Tổng cộng tài sản và công nợ anh T thanh toán trả cho chị M số tiền 432.0000.000đồng, anh T nhất trí thanh toán tiền nhưng thời hạn thanh toán khi nào anh đi làm thì sẽ thanh toán trả chị M. Chị M không đồng ý mà yêu cầu anh T phải thanh toán ngay trả chị số tiền trên.

Về tài sản riêng, đất canh tác: Chị Đường Thị M và anh Đường Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức: Chị Đường Thị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Chị M tự nguyện nộp, không yêu cầu anh T phải nộp tiền chi phí định giá và xem xét, thẩm định. Chị M đã nộp đủ tiền chi phí định giá và xem xét, thẩm định.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Cho chị Đường Thị M được ly hôn với anh Đường Văn T.

Về con chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Buộc anh Đường Văn T thanh toán trả chị Đường Thị M các khoản bao gồm: Tiền tài sản 50.000.000đồng và tiền nợ 382.000.000đồng, tổng cộng là 432.000.000đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không nộp tiền thanh toán trả chị M thì anh T phải chịu lãi chậm trả theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Về công sức: Chị Đường Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chị M tự nguyện nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Đường Thị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc xin ly hôn của chị và anh Đường Văn T theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T và chị M đều có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đường Thị M và anh Đường Văn T có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2001 tại UBND xã L trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, quá trình chung sống anh chị có sảy ra mâu

thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi dẫn đến nợ nần, do kinh tế nên anh chị sảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Anh T đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử về tội Đánh bạc với mức hình phạt 03 năm tù cho hưởng án treo. Nay chị Đường Thị M và anh Đường Văn T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh chị là tự nguyện nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2]. Về con chung: Chị Đường Thị M và anh Đường Văn T có 02 con chung là Đường Văn Tùng, sinh năm 2002 và Đường Huy Tường, sinh ngày 20/01/2005. Hiện nay các con chung đã thành niên. Ly hôn anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Chị Đường Thị M và anh Đường Văn T đều thừa nhận vợ chồng có làm 01 nhà xây hai tầng và 02 gian quán lợp tôn trên thửa đất thổ cư số 896, tờ bản đồ số 28, diện tích đất 252 m^2 ở thôn N xã L, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Đường Văn T, nguồn gốc đất là do bố mẹ anh T đã cho riêng anh T. Tại biên bản định giá ngày 07/12/2022 tổng tài sản trị giá 210.000.000đồng, chị M và anh T thống nhất giao cho anh T tiếp tục sử dụng toàn bộ tài sản, anh T thanh toán tiền tài sản cho chị M số tiền 50.000.000đồng. Xét thấy việc anh chị tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc thanh toán tiền tài sản là phù hợp với Điều 59 Luật HNGĐ nên cần được chấp nhận.

[4]. Về công nợ: Chị Đường Thị M và anh Đường Văn T đều thừa nhận chị M có vay tiền để thanh toán trả các khoản nợ riêng của anh T. Ly hôn chị M và anh T thỏa thuận, anh T thanh toán tiền các khoản vay cho chị M số tiền 382.000.000đ, chị M đồng ý và tự nguyện thanh toán trả nợ các khoản vay. Chị M không yêu cầu anh T phải trả nợ cùng chị và chị có đơn yêu cầu không giải quyết về công nợ nói trên. Xét thấy anh chị đã tự thỏa thuận với nhua về nghĩa vụ thanh toán các khoản vay là phù hợp với pháp luật nên cần được chấp nhận. Do chị M không yêu cầu giải quyết với những người cho vay, mặt khác những người cho chị M vay tiền đều không có đơn yêu cầu độc lập nên Tòa án không đưa những những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, cần tách ra khi nào các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Như vậy tổng cộng tài sản và công nợ anh T thanh toán trả cho chị M số tiền 432.0000.000đồng, anh T nhất trí thanh toán tiền nhưng thời hạn thanh toán khi nào anh đi làm thì sẽ thanh toán trả chị M. Xét thấy việc anh T nhất trí trả nợ nhưng không có thời gian cụ thể là không thể chấp nhận được, bởi lẽ việc chị M

vay tiền là có thật, anh T cũng thừa nhận chị M vay tiền để tra các khoản nợ riêng của anh T, nay để đảm bảo quyền lợi của chị M cần buộc anh T thanh toán trả chị M tổng số tiền 432.000.000đồng bao gồm 50.000.000đ tiền tài sản và 382.000.000đ tiền công nợ. Nếu anh T không thanh toán thì sẽ phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản riêng, đất canh tác, công sức: Chị Đường Thị M và anh Đường Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí tố tụng: Chị M tự nguyện nộp, không yêu cầu anh T phải nộp tiền chi phí định giá và xem xét, thẩm định. Cần xác nhận chị M đã nộp đủ tiền chi phí định giá và xem xét, thẩm định.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đường Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh chị phải chịu án phí giá ngạch tài sản đối với phần tài sản được chia. Cụ thể: Chị M phải chịu án phí là 50.000.000đồng x 5% = 2.500.000đồng, anh T phải chịu án phí đối với số tiền tài sản được hưởng là 160.000.000đ và công nợ phải thanh toán là 382.000.000đ. Tổng cộng là 542.000.000đ = 20.000.000đ + 4% x 142.000.000đ = 25.680.000đồng tiền án phí giá ngạch tài sản.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Đường Thị M được ly hôn với anh Đường Văn T.

Về con chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Giao cho anh T tiếp tục sở hữu toàn bộ tài sản bao gồm 01 nhà xây hai tầng và 02 gian quán lợp tôn làm trên thửa đất thổ cư số 896, tờ bản đồ số 28, diện tích đất 252 m^2 ở thôn Nam, xã L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Đường Văn T (Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của anh T). Buộc anh Đường Văn T thanh toán tiền tài sản và công nợ trả chị Đường Thị M tổng cộng 432.000.000đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản riêng, công sức và đất canh tác: Chị Đường Thị M và anh Đường Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền chi phí định giá và xem xét, thẩm định.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đường Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.500.000đồng án phí giá ngạch tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.930.000đồng theo biên lai thu tiền số 0005719 ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Hoàn trả lại cho chị Đường Thị M số tiền 16.130.000đ (Mười sáu triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Đường Văn T phải chịu 25.680.000đồng án phí giá ngạch tài sản.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã L
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải